TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BA TRI** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
	Ba Tri, ngày 16 tháng 9 năm 2019

Số: 59 /2019/QĐST-DS

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 06 tháng 9 năm 2019 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 211/2019/TLST-DS ngày 01 tháng 8 năm 2019.

XÉT THẤY:

Sự thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Lê Thị Thu N, sinh năm 1971

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1954.

Bà Cao Thị L, sinh năm 1964

Cùng địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

(Bà L ủy quyền cho ông S tại văn bản ủy quyền số 387 ngày 06/9/2019)

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Ông Nguyễn Văn S, bà Cao Thị L có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho bà Lê Thị Thu N số tiền nợ vay là 169.328.800 đồng (Một trăm sáu mươi chín triệu, ba trăm hai mươi tám ngàn, tám trăm đồng). Thời gian và số tiền cụ thể ông Nguyễn Văn S, bà Cao Thị L có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho bà Lê Thị Thu N được ấn định cụ thể như sau:

Ngày 16/12/2019 thanh toán số tiền 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng);

Ngày 16/01/2020 thanh toán số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng);

Ngày 16/02/2020 thanh toán số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng);

Ngày 16/3/2020 thanh toán số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng);

Ngày 16/4/2020 thanh toán số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng);
Ngày 16/5/2020 thanh toán số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng);
Ngày 16/6/2020 thanh toán số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng);
Ngày 16/7/2020 thanh toán số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng);
Ngày 16/8/2020 thanh toán số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng);
Ngày 16/9/2020 thanh toán số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng);
Ngày 16/10/2020 thanh toán số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng);
Ngày 16/11/2020 thanh toán số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng);
Ngày 16/12/2020 thanh toán số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng);
Ngày 16/01/2021 thanh toán số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng);
Ngày 16/02/2021 thanh toán số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng);
Ngày 16/3/2021 thanh toán số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng);
Ngày 16/4/2021 thanh toán số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng);
Ngày 16/5/2021 thanh toán số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng);
Ngày 16/6/2021 thanh toán số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng);
Ngày 16/7/2021 thanh toán số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng);
Ngày 16/8/2021 thanh toán số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng);
Ngày 16/9/2021 thanh toán số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng);
Ngày 16/10/2021 thanh toán số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng);
Ngày 16/11/2021 thanh toán số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng);
Ngày 16/12/2021 thanh toán số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng);
Ngày 16/01/2022 thanh toán số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng);
Ngày 16/02/2022 thanh toán số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng);
Ngày 16/3/2022 thanh toán số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng);
Ngày 16/4/2022 thanh toán số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng);
Ngày 16/5/2022 thanh toán số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng);
Ngày 16/6/2022 thanh toán số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng);
Ngày 16/7/2022 thanh toán số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng);
Ngày 16/8/2022 thanh toán số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng);
Ngày 16/9/2022 thanh toán số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng);
Ngày 16/10/2022 thanh toán số tiền 2.328.800 đồng (Hai triệu, ba trăm hai mươi tám ngàn, tám trăm đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Trường hợp ông Nguyễn Văn S, bà Cao Thị L không thanh toán tiền

đúng theo thời gian đã thỏa thuận nêu trên thì bà Lê Thị Thu N được quyền yêu cầu Thi hành án toàn bộ số tiền ông Nguyễn Văn S, bà Cao Thị L có nghĩa vụ thanh toán kể cả các khoản tiền chưa tới hạn thanh toán theo thỏa thuận.

2.2. Án phí DS-ST có giá ngạch do hòa giải thành được giảm 50% là 4.233.220 đồng (Bốn triệu, hai trăm ba mươi ba ngàn, hai trăm hai mươi đồng) ông Nguyễn Văn S, bà Cao Thị L có nghĩa vụ liên đới nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri;

Hoàn trả cho nguyên đơn bà Lê Thị Thu N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.233.000 đồng (Bốn triệu, hai trăm ba mươi ba ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0005007 ngày 19/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Bến Tre;*
- *VKSND huyện Ba Tri;*
- *Chi cục THADS huyện Ba Tri;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Rẻn